

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày 05/01/2023

Vv “*Không công nhận vợ
chồng, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hà và bà Võ Thị Thanh Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2022/TLST – HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc “ *Không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51a/2022/QĐST – HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thúy L, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Xuân B, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2022 và các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị Thúy L trình bày:

Chị Phạm Thị Thúy L và anh Vũ Xuân B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật do thiếu hiểu biết và do cả hai vợ chồng đều bận công việc. Quá trình chung sống có 02 con chung là Vũ Linh C, sinh ngày 30/4/2014 và Vũ Bảo T, sinh ngày 06/6/2019. Trong thời gian chung sống chị và anh B hạnh phúc thời gian dài nhưng khoảng 02 năm trở lại đây phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là

do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng nặng nề, mặc dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng đều không có kết quả. Chị và anh B đã ly thân 02 năm nay, chị không còn tình cảm với anh B nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Vũ Xuân B là vợ chồng. Về con chung: Chị L xin nuôi hai con Vũ Linh C, sinh ngày 30/4/2014 và Vũ Bảo T, sinh ngày 06/6/2019 đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Vũ Xuân B trình bày:

Anh B và Chị L chung sống như vợ chồng từ năm 2013 nhưng không có đăng ký kết hôn do thiếu hiểu biết và do cả hai vợ chồng đều bận công việc. Quá trình chung sống có 02 con chung là Vũ Linh C, sinh ngày 30/4/2014 và Vũ Bảo T, sinh ngày 06/6/2019. Hiện nay hai vợ chồng đã hết tình cảm đồng thời đã ly thân 02 năm nay nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị Phạm Thị Thúy L là vợ chồng. Về con chung: Anh đồng ý giao 02 con chung là Vũ Linh C, sinh ngày 30/4/2014 và Vũ Bảo T, sinh ngày 06/6/2019 cho chị Phạm Thị Thúy L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nên anh không có ý kiến gì. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Giải quyết không công nhận vợ chồng giữa chị Phạm Thị Thúy L và anh Vũ Xuân B. Về con chung: Giao hai cháu Vũ Linh C, sinh ngày 30/4/2014 và Vũ Bảo T, sinh ngày 06/6/2019 cho chị Phạm Thị Thúy L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn chị Phạm Thị Thúy L khởi kiện anh Vũ Xuân B sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2013 mà không đăng ký kết hôn nên xác định quan hệ tranh

chấp về việc “*Không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại tổ dân phố 2, xã thị trấn Đức An, huyện Đắc Song, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắc Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án Hôn nhân và Gia đình không quy định thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, vụ án được thụ lý và giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật do thiếu hiểu biết và do cả hai vợ chồng đều bận công việc. Quá trình chung sống có 02 con chung là Vũ Linh C, sinh ngày 30/4/2014 và Vũ Bảo T, sinh ngày 06/6/2019. Trong thời gian chung sống chị và anh B hạnh phúc thời gian dài nhưng khoảng 02 năm trở lại đây phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng nặng nề, mặc dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng đều không có kết quả. Chị và anh B đã ly thân 02 năm nay, chị không còn tình cảm với anh B nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Vũ Xuân B là vợ chồng.

Xét yêu cầu của Chị L là có căn cứ, việc chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng được quy định tại khoản 1 Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hậu quả của việc Chị L và anh B chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của luật này thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình:

1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

[4] Về yêu cầu con chung: Tại biên bản lấy lời khai đối với cháu Vũ Linh C, sinh ngày 30/4/2014 cháu Chi có nguyện vọng được ở cùng với Chị L. Khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

Hội đồng xét xử xét thấy Chị L và anh B đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung, hiện nay hai cháu Vũ Linh C, sinh ngày 30/4/2014 và Vũ Bảo T, sinh ngày 06/6/2019 đang sống với Chị L nên để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con và cũng như nguyện vọng của các cháu muốn được ở với mẹ nên Hội đồng xét xử thấy cần giao Vũ Linh C, sinh ngày 30/4/2014 và Vũ Bảo T, sinh ngày 06/6/2019 cho Chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Sau khi ly hôn Chị L và anh B có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung theo quy định các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[7] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về đường lối xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 6; Điều 70; Điều 71; Điều 72; Điều 143; Điều 147; Điều 266; Điều 273 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 58 các Điều 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thúy L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị Thúy L và anh Vũ Xuân B là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao hai cháu Vũ Linh C, sinh ngày 30/4/2014 và Vũ Bảo T, sinh ngày 06/6/2019 cho chị Phạm Thị Thúy L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, chị Phạm Thị Thúy L phải nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm trên, được khấu trừ vào số tiền anh Tuấn đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001501 ngày 23/5/2022 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắc Song, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắc Song;
- Chi cục THADS huyện Đắc Song;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Đình Minh